

THỰC TRẠNG KĨ NĂNG VẼ CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Nguyễn Xuân Tuyền¹

Ngày nhận bài: 14/10/2024; Ngày phản biện thông qua: 07/11/2024; Ngày duyệt đăng: 08/11/2024

TÓM TẮT

Nội dung bài báo đề cập đến thực trạng KN vẽ của sinh viên (SV) ngành giáo dục mầm non (GDMN), Trường Đại học Tây Nguyên. Qua quá trình khảo sát trên 373 SV cho thấy, đa phần SV đều nhận thức được tầm quan trọng của KN vẽ trong các học phần mỹ thuật, nhưng mức độ hiểu biết của SV về KN vẽ chưa cao, thời gian dành cho việc học tập, rèn luyện KN vẽ chưa nhiều, tần suất thực hiện các hành động học tập của SV chưa cao, KN vẽ của SV theo từng mức độ tập trung nhiều ở mức trung bình.

Từ khóa: *Vẽ, kĩ năng, kĩ năng vẽ; mỹ thuật; sinh viên; Giáo dục mầm non, Trường Đại học Tây Nguyên.*

1. MỞ ĐẦU

Mỹ thuật là một trong những bộ môn quan trọng trong trường Mầm non. Hoạt động mỹ thuật là một hoạt động học tập mang tính nghệ thuật, là phương tiện quan trọng trong việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, trí tuệ, và thể lực cho trẻ (Phạm Thị Chính, 2008). Trong đó, vẽ là một hình thức nghệ thuật thị giác trong đó con người sử dụng nhiều công cụ vẽ khác nhau để ghi dấu lên giấy hoặc một công cụ hai chiều. Nó là một trong những hình thức truyền đạt ý tưởng thị giác đơn giản và hiệu quả nhất.

KN (KN) vẽ là khả năng vận dụng những kiến thức, sử dụng thị giác nghệ thuật, các dụng cụ vẽ khác nhau để tạo thành những tác phẩm, những bức tranh đẹp và sinh động (Nguyễn Quốc Toàn, 2009). Khi chúng ta có những KN về mỹ thuật (MT) giúp chúng ta luôn cảm thấy tự tin để thể hiện chính mình, còn khi ta có những KN vẽ giúp chúng ta truyền tải những nội dung qua những bức tranh, giúp mọi người hiểu đúng được những gì mình muốn thể hiện qua bức tranh, giúp mọi người cảm nhận được những điều hay, những điều đẹp trong cuộc sống và giúp mọi người trở nên vui vẻ và hạnh phúc.

Mỹ thuật cơ bản trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non tại trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN) là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nghệ thuật nói chung và nghệ thuật tạo hình nói riêng bao gồm: các khái niệm cơ bản về: Vẽ; Nặn; Xé - Cắt dán cũng như các nguyên tắc, hình thức sắp xếp trong trang trí, trong xây dựng bố cục tranh... (Ngô Bá Công, 2011). Phương pháp, các KN kĩ xảo đặc thù trong tạo hình giúp SV vận dụng vào giải quyết các bài thực hành, bài tập. Trong đó vẽ là yêu cầu cơ bản, cần thiết để học tốt môn mỹ

thuật. Cho nên việc rèn luyện và hình thành KN vẽ cho SV là hết sức cần thiết cho quá trình học tập, rèn luyện nâng cao KN vẽ của mình, nhằm thực hiện tốt việc học tập môn mỹ thuật, vừa đáp ứng các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp GVMN trong giai đoạn hiện nay.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài viết có nội dung nghiên cứu chính sau đây: Khảo sát thực trạng kĩ năng vẽ của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Tây Nguyên.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng kĩ năng vẽ của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Tây Nguyên.

2.3. Vật liệu và khách thể nghiên cứu

2.3.1. Vật liệu nghiên cứu

Kĩ năng vẽ của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Tây Nguyên.

2.3.2. Khách thể nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên 373 sinh viên trong đó lớp GDMN K20 (114 SV), GDMN K21 (76 SV), GDMN K22 (87 SV), GDMN K23 (96 SV), năm học 2023 - 2024. (Thời gian từ 01/2024 đến 4/2024) tại Trường Đại học Tây Nguyên.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Phương pháp lý luận

Khái quát các công trình nghiên cứu liên quan giảng dạy mỹ thuật và kĩ năng vẽ cho sinh viên ngành giáo dục mầm non.

2.4.2. Phương pháp điều tra

Điều tra sinh viên ngành GDMN: Chúng tôi thiết kế mẫu phiếu điều tra (trên 30 tiêu chí) và tiến hành điều tra 373 sinh viên GDMN K20

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Xuân Tuyền; ĐT: 09732370072; Email: nxytuyen@gmail.com.

(114 SV), GDMN K21 (76 SV), GDMN K22 (87 SV), GDMN K23 (96 SV), khảo sát thực trạng kỹ năng vẽ của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Phương pháp chính là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phiếu điều tra được chia làm 4 phần:

A) Thông tin chung: (1) Họ và tên (không bắt buộc), (2) Khóa, (3) Các học phần đã học, (4) Học lực của học kì gần nhất của bạn loại.

B) Đánh giá tổng quan: (1) Theo bạn, các học phần Mĩ thuật trong chương trình đào tạo Giáo dục mầm non hiện nay, (2) Bạn cho rằng, rèn kỹ năng vẽ đối với sinh viên Giáo dục mầm non hiện nay, (3) Đào tạo theo mô hình tín chỉ đòi hỏi thời lượng tự học của sinh viên chiếm 2/3 thời gian so với giờ học trên lớp, theo bạn thời lượng tự học, (4) Khối lượng bài tập lý thuyết và bài tập thực hành của các học phần Mĩ thuật hiện tại là, (5) Theo bạn, việc giải quyết các bài tập ứng dụng của các học phần Mĩ thuật, (6) Bạn hãy đánh giá mức độ nội dung bài tập trong chương trình học các học phần Mĩ thuật.

C) Nhận thức: Tôi biết cách xác định kế hoạch học tập, Tôi biết cách xác định kế hoạch học tập, Tôi nhận biết được động cơ học tập của bản thân, (4) Tôi biết cách thức tìm kiếm thông tin học tập, (5) Tôi nhận biết được đâu là nguồn thông tin đáng tin cậy, (6) Tôi biết các nguồn lực hỗ trợ tôi trong quá trình học tập, (7) Tôi biết đặt kiến thức mới vào hệ thống kiến thức đã học, (8) Tôi biết về cách thức phân loại các cấp độ hệ thống thông tin, (9) Tôi nhận biết được cách ghi nhớ thông tin, (10) Tôi hiểu yêu cầu mức độ đánh giá của từng học phần, (11) Tôi biết cách đánh giá năng lực của bản thân, (12) Tôi biết so sánh năng lực của tôi so với bạn bè, (13) Tôi biết tự điều chỉnh hành động học tập phù hợp, (14) Tôi biết rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, (15) Tôi biết cách ghi chép lại kiến thức.

D) Hành động: (1) Tự xác định mục tiêu học tập, (2) Chủ động tìm đề cương chi tiết trước khi diễn ra học phần, (3) Chủ động đăng kí môn, (4) Tự đọc tài liệu học tập trước khi lên hệ, (5) Chuẩn bị các câu hỏi thắc mắc trước buổi học, (6) Chủ động đặt câu hỏi khi GV giảng đến nội dung liên quan, (7) Tích cực trao đổi ý kiến về nội dung học tập với GV, (8) Tự tạo động lực để học tập, (9) Tổng hợp các kiến thức từ các môn học liên quan, (10) Củng cố lý thuyết qua việc hoàn thành bài tập, (11) Chủ động làm thêm các bài tập ngoài giờ học trên lớp, (12) Thường xuyên tự kiểm tra kiến thức, (13) Thường xuyên liên hệ thực tiễn.

2.4.3. Phương pháp thống kê toán học

Chúng tôi sẽ sử dụng phần mềm SPSS để thống kê và xử lý số liệu điều tra.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Môn mĩ thuật nói chung và môn vẽ nói riêng là môn đặc thù nên khả năng của SV còn rất nhiều hạn chế đòi hỏi người học và người dạy phải có những phương pháp tích cực, linh hoạt, phù hợp với từng bài cụ thể.

Do đó, hầu hết các SV ngành giáo dục mầm non trường ĐHTN còn gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình học tập, rèn luyện KN vẽ. Để tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi tiến hành khảo sát về nhận thức, mức độ hiểu biết, thời gian dành cho việc học, tần suất thực hiện các hành động học tập, mức độ đạt được KN vẽ của SV khi học các học phần mĩ thuật.

3.1. Thông tin về đặc tính thành phần mẫu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên việc khảo sát 373 SV chuyên ngành GDMN đang theo học tại Trường Đại học Tây Nguyên trong năm học 2023 - 2024. Đặc tính thành phần mẫu nghiên cứu ở Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Đặc tính thành phần mẫu nghiên cứu

Biến	Thuộc tính	Tần số người	Tỉ lệ %
Khóa	K23	96	25,7
	K22	87	23,3
	K21	76	20,4
	K20	114	30,6
Các HP đã học	Tạo hình CB	373	100,0
	LL & PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ	190	50,9
	Ứng dụng kí họa và cách điệu trong GDMN	190	50,9
Học lực học kì gần nhất	Loại A, B	198	53,1

Như vậy, tổng số SV tham gia nghiên cứu là 373 (100%). Xét theo Khóa, có 4 khóa tương ứng với 4 năm học. Số lượng K23 có (96 SV), K22 có (87 SV), K21 có (76 SV) và K20 có (114 SV). Xét

theo các HP mĩ thuật đã học, hầu hết 100% SV tham gia đã hoàn thành học phần Tạo hình cơ bản. Chỉ có 50,9% (190 SV) đã hoàn thành tốt hai học phần: LL & PP tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ, Ứng

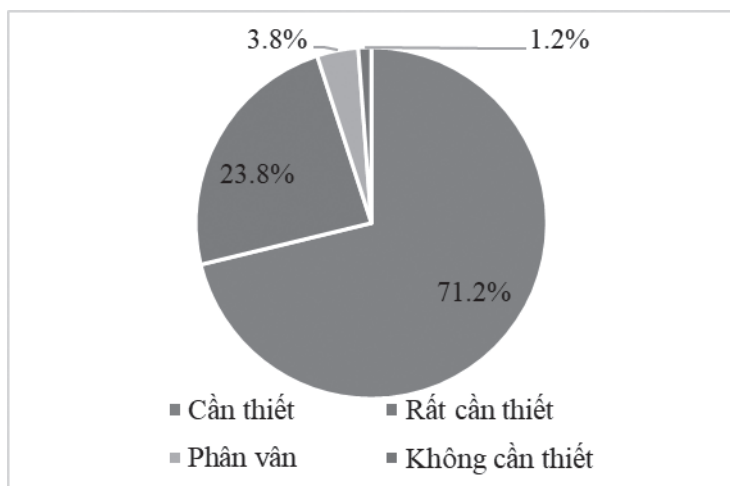
dụng kí họa và cách điệu trong GDMN. Xét theo học lực của học kì gần nhất, có 198 SV (chiếm 53,1%) có xếp loại học lực loại A, B. Đối với loại C, D có 175 SV (chiếm 46,9%).

Độ tin cậy của bảng hỏi được đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Với hệ số Cronbach's Alpha là 0,819.

3.2. Thực trạng nhận thức của SV về tầm quan trọng của kĩ năng vẽ đối với các học phần mỹ thuật

3.2.1. Nhận thức về tầm quan trọng của kĩ năng vẽ đối với các học phần mỹ thuật

Nhằm thăm dò nhận thức của SV về mức độ cần thiết của kĩ năng vẽ trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non hiện nay, chúng tôi đã thiết kế câu hỏi với bốn mức độ từ mức “Không cần thiết” đến “rất cần thiết”. Kết quả thu được thể hiện qua biểu đồ 1.



Biểu đồ 1. Tầm quan trọng của kĩ năng vẽ

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV đều nhận thức được tầm quan trọng của kĩ năng vẽ trong chương trình đào GDMN hiện nay. Qua biểu đồ 1 cho thấy đa số SV đánh giá ở mức độ: Cần thiết là 71,2%; Rất cần thiết là 23,8% và không cần thiết là 2%. Điều này cho thấy SV đã nhận thức rõ về tầm quan trọng của các học phần mỹ thuật.

3.2.2. Mức độ hiểu biết của SV đối với việc rèn kĩ năng vẽ

Biểu hiện về mức độ hiểu biết của SV khi học tập, rèn luyện kĩ năng vẽ trên phương diện nhận thức, được chúng tôi thăm dò thông qua 14 nội dung với thang đo từ “Không biết” đến “Biết rất rõ”. Kết quả được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Mức độ hiểu biết của SV đối với việc rèn kĩ năng vẽ

Nội dung	Không biết		Ít biết		Phân vân		Biết rõ		Biết rất rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Biết cách xác lập định kế hoạch học tập	149	39,94	104	27,88	44	11,79	42	11,26	34	9,11
Nhận biết được động cơ học tập của bản thân	55	14,47	45	12,06	25	6,70	145	38,87	103	27,61
Biết cách tìm kiếm thông tin học tập	38	10,18	47	12,60	16	4,28	202	54,15	70	18,76
Nhận biết đâu là nguồn thông tin đáng tin cậy	118	31,63	88	23,59	26	6,97	53	14,20	88	23,59
Biết các nguồn lực hỗ trợ trong quá trình học tập	125	33,51	101	27,07	20	5,36	82	21,98	45	12,06
Biết đặt kiến thức mới vào hệ thống kiến thức cũ đã học	246	65,95	42	12,26	17	4,55	39	10,45	29	7,77
Biết cách phân loại các cấp thông tin	184	49,23	87	23,32	22	5,89	45	12,06	35	9,38
Biết cách ghi nhớ thông tin	147	39,41	106	28,41	28	7,50	56	15,01	36	9,65

Nội dung	Không biết		Ít biết		Phân vân		Biết rõ		Biết rất rõ	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Hiểu yêu cầu mức độ đánh giá của kỹ năng vẽ	15	4,02	31	8,31	23	6,16	89	23,86	215	57,64
Biết cách đánh giá năng lực của bản thân	11	2,94	32	8,57	15	4,02	81	21,71	234	62,73
Biết so sánh năng lực của mình so với bạn bè	10	2,68	33	8,84	25	6,70	83	22,25	222	59,51
Biết điều chỉnh hành động học tập phù hợp	227	60,85	65	17,42	19	5,09	36	9,47	26	6,97
Biết rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động	98	26,27	222	59,51	11	2,94	29	7,77	13	3,48
Biết cách ghi chép lại kiến thức	16	4,28	31	8,31	42	11,26	193	51,74	91	24,39

Nhìn vào bảng 2 cho thấy hầu hết SV đều nhận thức được tầm quan trọng trong việc học tập, rèn luyện kỹ năng vẽ. Cụ thể: Ở mức **Biết rất rõ** có 234 SV (chiếm 62,73%) *Biết cách đánh giá năng lực của bản thân*; có 222 SV (chiếm 59,51%) *Biết so sánh năng lực của mình so với bạn bè*; có 215 SV (chiếm 57,64%) *Hiểu yêu cầu mức độ đánh giá của kỹ năng vẽ* có 103 SV (chiếm 27,61%) *Nhận biết được động cơ học tập của bản thân*. Ở mức **Biết rõ** có 202 SV (chiếm 54,15%) *Biết cách tìm kiếm thông tin học tập*; có 193 SV (chiếm 51,74%) *Biết cách ghi chép lại kiến thức*. Ở mức **Biết ít** có 222 SV (chiếm 59,52%) *Biết rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động*. Ở mức **Không biết** có 246 SV (chiếm 65,95%) *Biết đặt kiến thức mới vào hệ thống kiến thức cũ đã học*; có 227 SV (chiếm 60,86%) *Biết điều chỉnh hành động học tập phù hợp*; có 184 SV (chiếm 49,33%) *Biết cách phân loại các cấp thông tin*; có 149 SV (chiếm 39,95%) *Biết cách xác lập định kế hoạch học tập* và có 147 SV (chiếm 39,41%) *Biết cách ghi nhớ thông tin*.

Kết quả phân tích số liệu trên cho thấy về cơ bản SV đã có những hiểu biết, nhận thức rõ ràng về học tập, rèn luyện những KN vẽ. Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều SV chưa xác định, hiểu biết rõ ràng đối với các các nội dung trên.

Bảng 4. Tần suất thực hiện các hành động học tập và rèn luyện kỹ năng vẽ của SV

Nội dung	Không bao giờ		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Luôn luôn	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tự xác định mục tiêu học tập	30	7,83	20	5,36	42	11,26	75	20,10	206	55,22
Chủ động tìm đề cương chi tiết trước khi diễn ra học phần	190	50,93	81	21,71	61	16,35	29	7,77	12	3,21
Chủ động đăng kí môn học	0	0	0	0	0	0	117	31,36	256	68,63
Tự đọc TL học tập trước khi lên lớp	175	46,91	67	17,96	58	15,54	63	16,89	10	2,68

3.2.3. Thời gian SV dành cho việc rèn kỹ năng vẽ trong ngày

Nhằm đánh giá mức độ đầu tư về thời gian của SV dành cho việc rèn luyện kỹ năng vẽ trong ngày. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Thời gian dành cho việc rèn kỹ năng vẽ trong ngày

Nội dung	Số lượng	TL (%)
Ít hơn 1 giờ	206	55,22
1 - 3 giờ	139	37,26
Trên 3 giờ	28	7,50

Thông qua bảng 3 cho thấy SV dành thời gian cho việc rèn luyện kỹ năng vẽ trong ngày, cụ thể như sau: Ít hơn 1 giờ có 206 SV (chiếm 55,23%); Từ 1 - 3 giờ có 139 SV (chiếm 37,27%) và Trên 3 giờ có 28 SV (chiếm 7,51%). Điều này cho thấy SV chưa thật sự coi trọng và chưa thật sự đầu tư thời gian cho việc rèn luyện kỹ năng vẽ.

3.3. Thực trạng thái độ của SV qua các hành động khi học tập và rèn luyện kỹ năng vẽ

Biểu hiện thái độ của SV được chúng tôi thăm dò qua hành động học tập và rèn luyện rèn luyện kỹ năng vẽ với 13 nội dung, theo 5 mức độ từ “*Không bao giờ*” đến “*Luôn luôn*”. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Nội dung	Không bao giờ		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Luôn luôn	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Chuẩn bị câu hỏi thắc mắc trước buổi học	222	59,51	59	15,81	34	9,11	27	7,23	31	8,31
Chủ động đặt câu hỏi khi giáo viên giảng đến nội dung liên quan	144	38,60	84	22,52	61	16,35	56	15,01	28	7,50
Tích cực trao đổi ý kiến về nội dung học tập với giáo viên	225	60,32	19	5,09	60	16,08	17	4,55	52	13,94
Tạo động lực để học tập	39	10,45	53	14,20	42	11,26	58	15,44	181	48,52
Tổng hợp các kiến thức từ các môn học liên quan	154	41,28	84	22,52	61	16,35	43	11,52	31	8,31
Củng cố lí thuyết thông qua việc hoàn thành bài tập	28	7,50	15	4,02	51	13,67	93	24,93	186	49,86
Chủ động làm thêm các bài tập ngoài giờ học trên lớp	225	60,32	38	10,18	82	21,98	23	6,16	15	4,02
Thường xuyên tự kiểm tra kiến thức	178	47,72	45	12,06	94	25,20	35	9,38	21	5,63
Thường xuyên liên hệ thực tiễn	222	59,51	29	7,77	80	21,44	29	7,77	13	3,48

Qua bảng 4 cho thấy số SV đã có thái độ tích cực đối với học tập và rèn luyện kĩ năng: Ở mức Luôn luôn có 256 SV (chiếm 68,63%) Chủ động đăng kí môn học; có 206 SV (chiếm 55,23%) Tự xác định được mục tiêu học tập; có 186 SV (chiếm 49,87%) Củng cố lí thuyết thông qua việc hoàn thành bài tập; có 181 SV (chiếm 48,53%) Tạo động lực để học tập. Ở các mức Thường xuyên; Thỉnh thoảng; Hiếm khi tỉ lệ SV lựa chọn rất ít.

Trong khi đó, ở mức Không bao giờ có 225 SV (chiếm 60,32%) chưa tích cực trao đổi ý kiến về nội dung học tập với giáo viên; Chủ động làm thêm các bài tập ngoài giờ học trên lớp; có 222 SV (chiếm 59,52%) chưa chuẩn bị câu hỏi thắc mắc trước buổi học; Chưa thường xuyên liên hệ thực tiễn; có 190 SV (chiếm 50,94%) chưa chủ động

tìm đề cương chi tiết trước khi diễn ra học phần; có 178 SV (chiếm 47,72%) chưa thường xuyên tự kiểm tra kiến thức; có 175 SV (chiếm 46,91%) chưa tự đọc tài liệu học tập trước khi lên lớp.

Nhìn chung, chỉ có một số SV đã có thái độ tích cực, chủ động, tự giác trong quá trình học tập, biết tự tạo động lực học tập cho bản thân. Tuy nhiên, số đông SV vẫn chưa có thái độ tích cực, tự giác trong học tập và rèn luyện kĩ năng vẽ, chưa thật sự cố gắng trong việc tìm hiểu, chủ động trao đổi, ngại đưa ra ý kiến của mình dẫn đến kết quả học tập và rèn luyện kĩ năng vẽ đạt được chưa cao.

3.4. Thực trạng KN vẽ của SV ngành giáo dục mầm non

3.4.1. Mức độ KN vẽ của SV

Bảng 5. Mức độ KN vẽ của SV xét chung

Mức độ	Số lượng	TL (%)
Tốt	75	20,11
Khá	172	46,11
Trung bình	100	26,81
Yếu	26	6,97

Qua khảo sát, chúng ta có thể thấy: Ở mức độ Tốt có 75 SV chiếm tỉ lệ 20,10%; Ở mức độ Khá có 172 SV chiếm tỉ lệ 46,11%; Ở mức độ Trung bình có 100 SV chiếm tỉ lệ 26,80%; Ở mức độ Yếu có 26 SV chiếm tỉ lệ 6,97% trên tổng số phiếu khảo sát. Kết quả cho thấy tỉ lệ sinh viên có kĩ năng vẽ theo từng mức độ đạt loại tốt và khá chiếm tỉ lệ khá cao có tới 66,21%.

3.4.2. Thực trạng KN vẽ của SV theo từng thể loại

Nhằm tìm hiểu về thực trạng KN vẽ của SV theo từng thể loại, chúng tôi đã thăm dò thông qua 4 nội dung, với mức độ đánh giá từ “Yếu” đến “Tốt”. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 6. Mức độ KN vẽ của SV theo từng thể loại

Nội dung	Mức độ (Tỉ lệ %)			
	Tốt	Khá	T. Bình	Yếu
KN cầm bút/chì/cọ	70,00	20,00	10,00	0
KN sắp xếp bố cục	9,74	24,47	17,37	48,16
KN phối hợp màu sắc	48,42	30,26	11,58	9,74
KN vẽ nét, vẽ hình cơ bản	22,37	19,47	38,95	19,21

Nhìn vào bảng 6 ta thấy KN mà SV đạt được với 4 mức độ cụ thể như sau:

Mức độ **Tốt** với *KN cầm bút/chì/cọ* là 70,00%; *KN phối hợp màu sắc* là 48,42%; *KN vẽ nét, vẽ hình cơ bản* là 22,37% và thấp nhất là *KN sắp xếp bố cục* chỉ đạt 9,74%.

Mức độ **Khá** với *KN phối hợp màu sắc* là 30,26%; *KN sắp xếp bố cục* là 24,47%; *KN cầm bút/chì/cọ* là 22,37% và thấp nhất là *KN vẽ nét, vẽ hình cơ bản* chỉ đạt 9,74%.

Mức độ **Trung bình** với *KN vẽ nét, vẽ hình cơ bản* là 38,95%; *KN sắp xếp bố cục* là 17,37%; *KN phối hợp màu sắc* là 11,58% và thấp nhất là *KN cầm bút/chì/cọ* chỉ đạt 10,00%.

Mức độ **Yếu** với *KN sắp xếp bố cục* là 48,16%; *KN vẽ nét, vẽ hình cơ bản* là 19,21%; *KN phối hợp màu sắc* là 9,74%.

Nhìn chung, do các KN vẽ cơ bản không tốt nên khi vẽ SV không biết cách sắp xếp bố cục, thiếu sáng tạo, nên không thể tự hoàn thiện các bức vẽ của mình. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc giảng dạy các phần mỹ thuật, cũng như việc rèn luyện KN vẽ của SV đạt được chưa cao.

4. KẾT LUẬN

Kỹ năng vẽ là là kỹ năng đặc thù trong các học phần mỹ thuật. Để có thể nâng cao chất lượng dạy-học các học phần mỹ thuật, việc rèn luyện và hình thành kỹ năng vẽ cho SV là điều cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non trường Đại học Tây Nguyên.

Thông qua quá trình khảo sát thực trạng KN vẽ của SV ngành giáo dục mầm non chúng tôi thấy rằng: đa phần SV đều nhận thức được tầm quan trọng của KN vẽ, nhưng mức độ hiểu biết của SV về KN vẽ chưa cao, thời gian dành cho việc học tập, rèn luyện KN vẽ chưa nhiều, tần suất thực hiện các hành động học tập của SV chưa cao, KN vẽ của SV theo từng mức độ tập trung nhiều ở mức trung bình. Để nâng cao chất lượng dạy và học hình thành KN vẽ cho SV thì cần phải nghiên cứu điều chỉnh nội dung chương trình, tăng thời gian thực hành vẽ, thay đổi hình thức luyện tập, hình thành KN luyện tập và tự luyện tập cho SV, thay đổi hình thức kiểm tra đánh giá. Xây dựng, thiết kế hệ thống các bài tập bổ trợ KN vẽ cho SV nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học mỹ thuật trong nhà trường.

THE CURRENT SITUATION OF DRAWING SKILLS AMONG EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Nguyen Xuan Tuyen¹

Received Date: 14/10/2024; Revised Date: 07/11/2024; Accepted for Publication: 08/11/2024

ABSTRACT

The content of the article refers to the current situation of drawing skills of students majoring in preschool education, Tay Nguyen University. Through the survey of 373 students, it showed that most students are aware of the importance of drawing skills in art courses, but the level of understanding of students about drawing skills is not high, and the time spent studying There is not much practice and training in drawing skills, the frequency of performing learning actions of students is not high, students' drawing skills at each level are concentrated at an average level.

Keywords: *Drawing, skills, drawing skills; fine arts; student; Early Childhood Education, Central Highlands University.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Thị Chinh (2006). *Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
- Phạm Thị Chinh (2008). *Mỹ thuật dành cho hệ cao đẳng sư phạm Mầm non*, NXB GD.
- Ngô Bá Công (2011). *Mỹ thuật cơ bản*; NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.
- Lê Thị Đức, Lê Thanh Thủy, Phùng Thị Tường (2011). *Các hoạt động tạo hình của trẻ mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Lê Đức Hiền (2010). *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình*, NXB Dân trí, Hà Nội.
- Nguyễn Hải Kiên (2012). *Giáo trình trang trí cơ bản học phần 2*, Trường Đại học sư phạm nghệ thuật Trung Ương.
- Lê Thanh Thủy (2008). *Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình*, NXB đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Lê Thanh Thủy (2010). *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non*, NXB ĐH Sư phạm.
- Nguyễn Quốc Toàn (2009). *Giáo trình Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Nguyễn Thu Tuấn (2011). *Phương pháp dạy học Mỹ thuật (Tập 1, 2)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Nguyen Xuan Tuyen; Tel: 09732370072; Email: nxtuyen@gmail.com.